TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ- ST
Ngày 13- 04- 2023
V/v Ly hôn giữa chị T1, anh C1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Vũ Hữu Thuấn;
2. Bà Vũ Thị Dinh.
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 13- 04- 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 giữa:

1.*Nguyên đơn:* Chị T1, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Xóm xxx, thôn T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.*Bị đơn:* Anh C1, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn H1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị T1 trình bày: Chị và anh C1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 02 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã T2, vợ chồng và con chung đều có hộ khẩu tại xã T2. Tháng 05- 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do ……. Khi đó, chị đã viết đơn ly hôn nhưng khi Tòa án hòa giải thì chị rút đơn ly hôn. Đến tháng 05 năm 2022, chị phát hiện anh vẫn không thay đổi nên vợ chồng lại mâu thuẫn. Do vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên từ ngày 27- 06- 2022, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn thôn T4, xã T5, huyện T2, tỉnh Thái Bình làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị xác định: Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng xin ly hôn anh C1. Hiện nay, chị không mang thai. Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015 (hiện đang sống với anh C1); Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021 (hiện đang sống với chị). Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021; chị đồng ý để anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T2: Anh C1 và chị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T2. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng; vợ chồng đều có hộ khẩu tại xã T2. Tháng 05- 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T1 đã có đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn ly hôn. Sau khi đoàn tụ, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Thái Bình sinh sống. Từ đó, chị T1 không trở về chung sống cùng anh C1 nữa. Vợ chồng chị T1- anh C1 có 02 con chung là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015 (hiện đang sống với anh C1); Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021 (hiện đang sống với chị T1). Về tài sản chung: Vợ chồng anh C1- chị T1 không có tài sản chung tại địa phương. Anh C1 hiện sinh sống cùng bố mẹ anh C1 tại địa phương. Anh làm công nhân ở địa phương khác, sáng đi làm, tối về nhà. Các văn bản của Tòa án gửi cho anh C1 đã được cán bộ địa phương đã đem đến nhà anh C1 giao cho anh nhưng anh không nhận. Khi Tòa án về địa phương làm việc, anh C1 vắng mặt. Khi cán bộ địa phương cùng Tòa án đến nhà anh C1 thì gia đình anh vắng mặt, cổng khóa nên không làm việc được. Quan điểm của địa phương: Vợ chồng anh C1, chị T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, chị T1 đã bỏ về địa phương khác sinh sống. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn ngày 09 tháng 11 năm 2022, con chung của anh chị là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015 có nguyện vọng sinh sống cùng bố.

Do anh C1 vắng mặt, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH: Xử cho chị T1 ly hôn anh C1. Vợ chồng chị T1- anh C1 có 02 con chung là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015; Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021. Đề nghị: Giao con chung Vũ Đức A1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Hà A1 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có đương sự yêu cầu; các bên có

quyền được thăm nom, có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định. Về tài sản chung: Do anh C1 vắng mặt; chị T1 xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị T1 phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù được được triệu tập hợp lệ, đã được niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa làm việc, không có văn bản ghi ý kiến gửi về Tòa án. Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại khoản 1; Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị T1 và anh C1 là tự nguyện và hợp pháp. Khi mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị T1- anh C1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị T1 ly hôn anh C1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T1- anh C1 có 02 con chung là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015 và Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021. Khi vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng mỗi người một nơi thì anh chị đã tự thực hiện mỗi người nuôi một con: Anh trực tiếp nuôi con Hà A1, chị trực tiếp nuôi con Đức A1. Nay nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Đức A1; đồng ý để anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Hà A1. Con chung Vũ Hà A1 có nguyện vọng sống cùng bố. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Hà A1 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị T1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn

nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T1 ly hôn anh C1.

2. Về con chung: -Vợ chồng chị T1- anh C1 có 02 con chung là Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015; Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021.

-Xử: Giao con chung Vũ Đức A1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2021 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Hà A1, sinh ngày 25 tháng 08 năm 2015 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004261 ngày 11-10- 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.